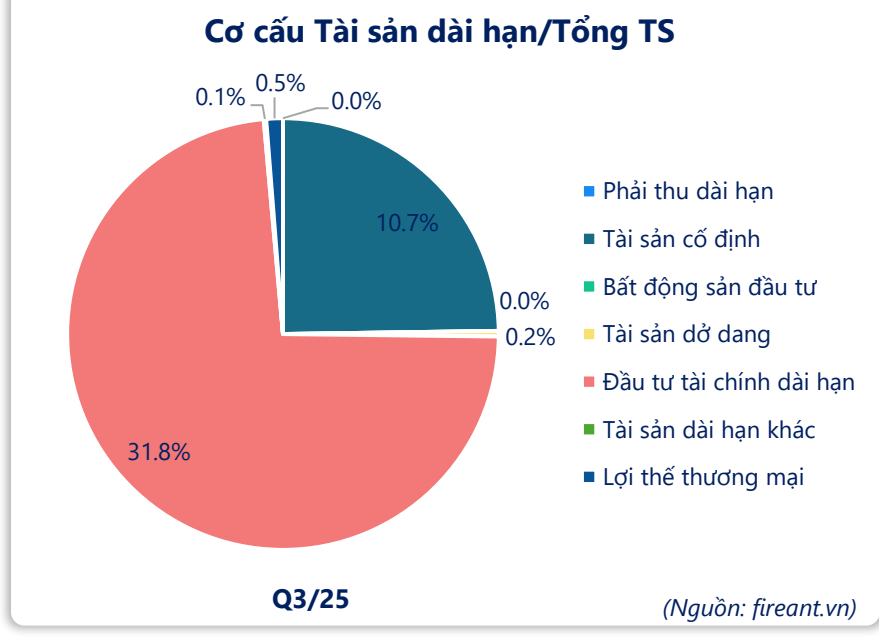
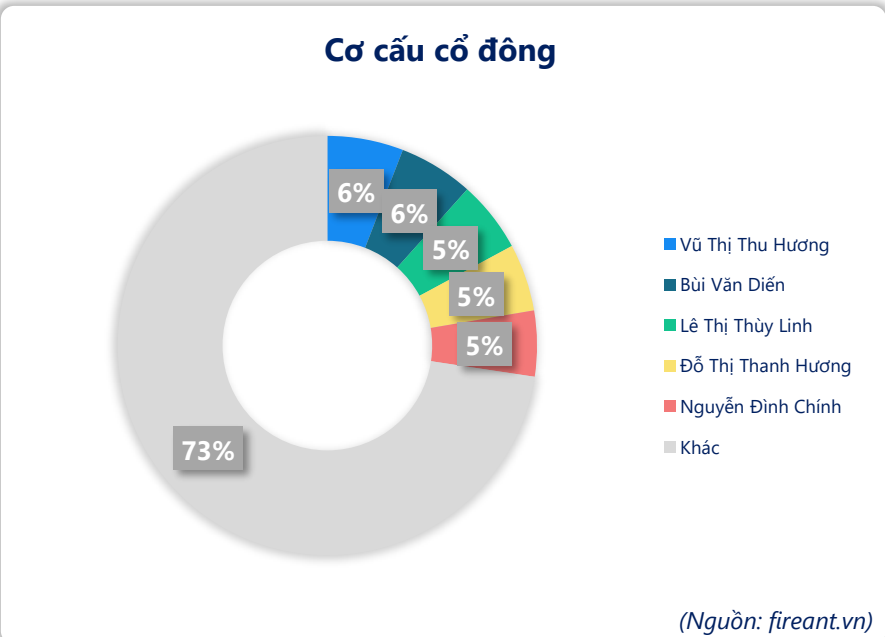
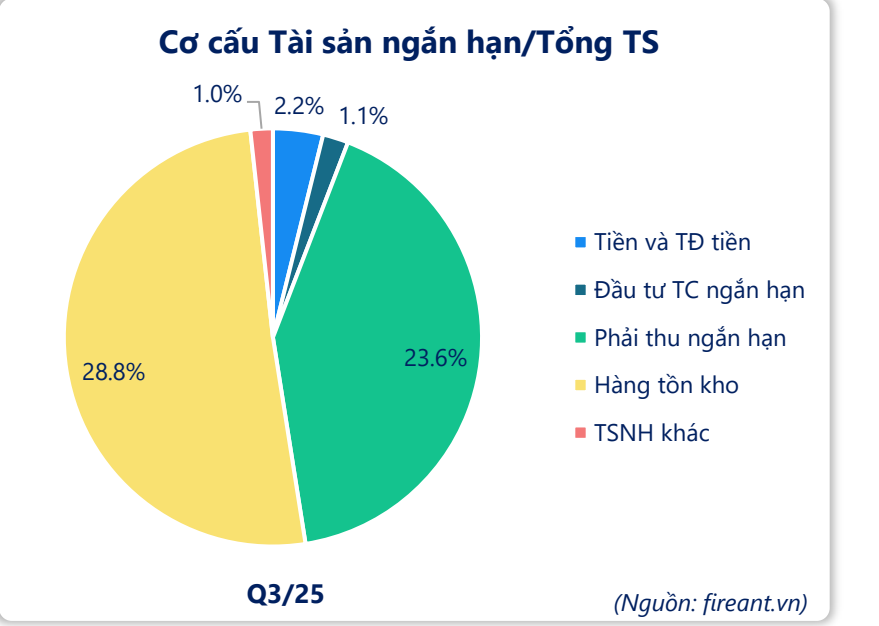
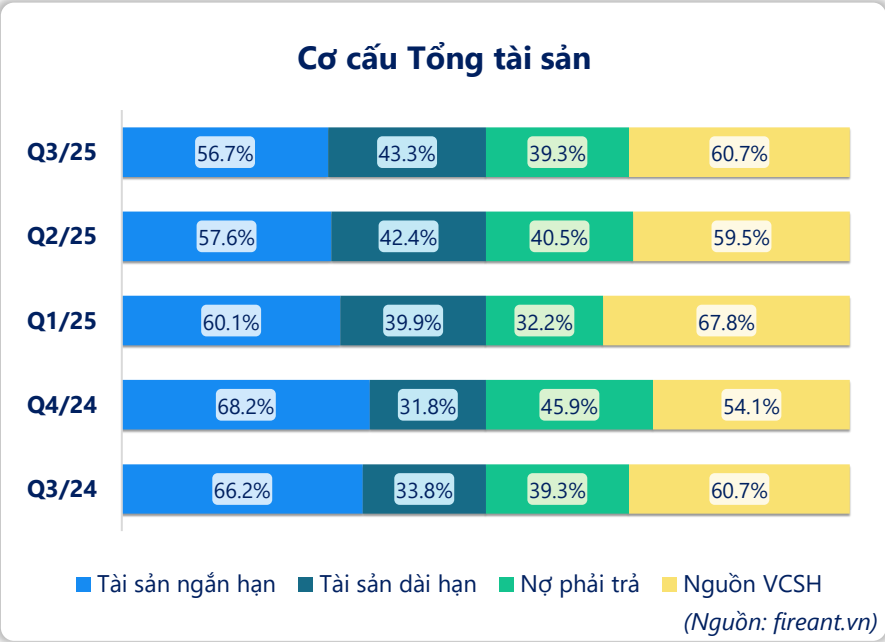
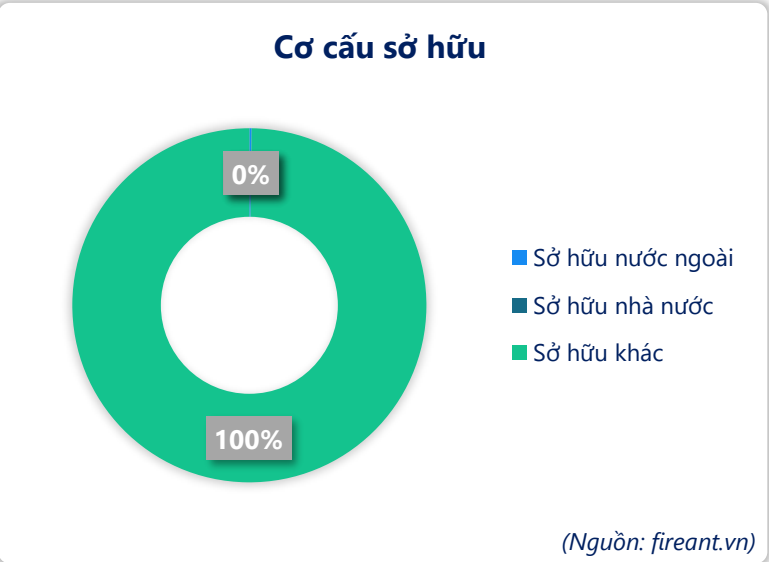
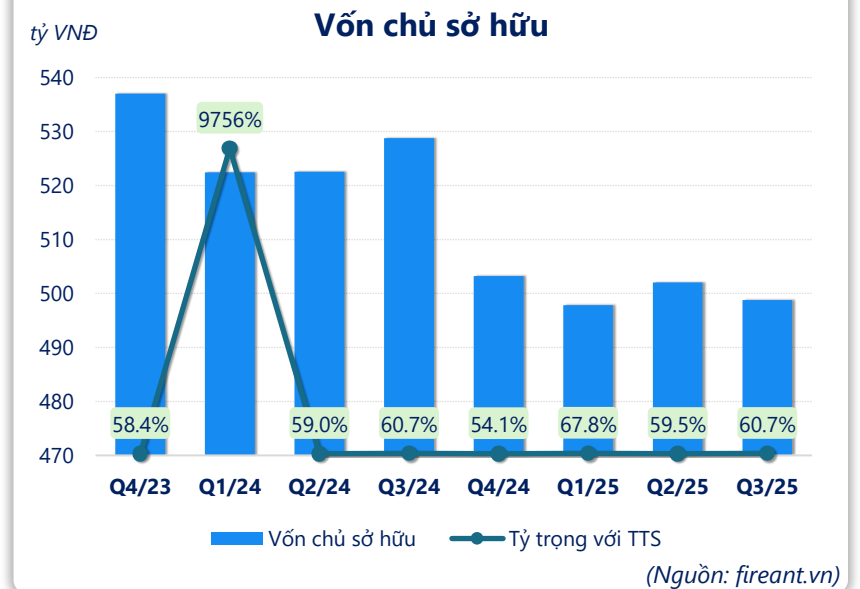
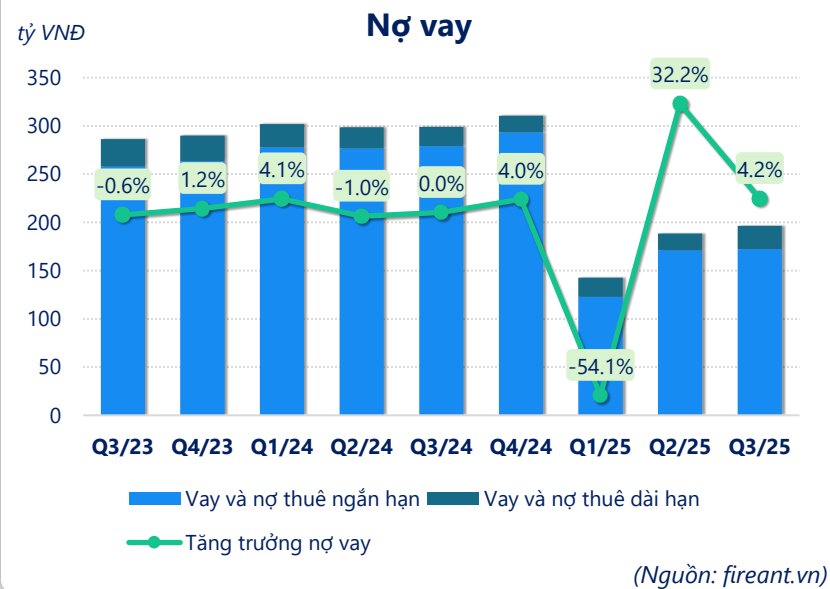
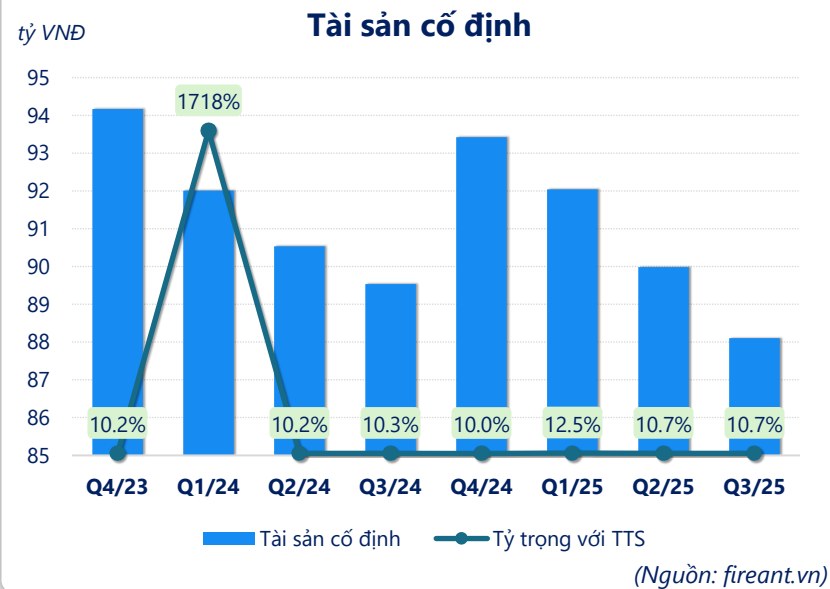
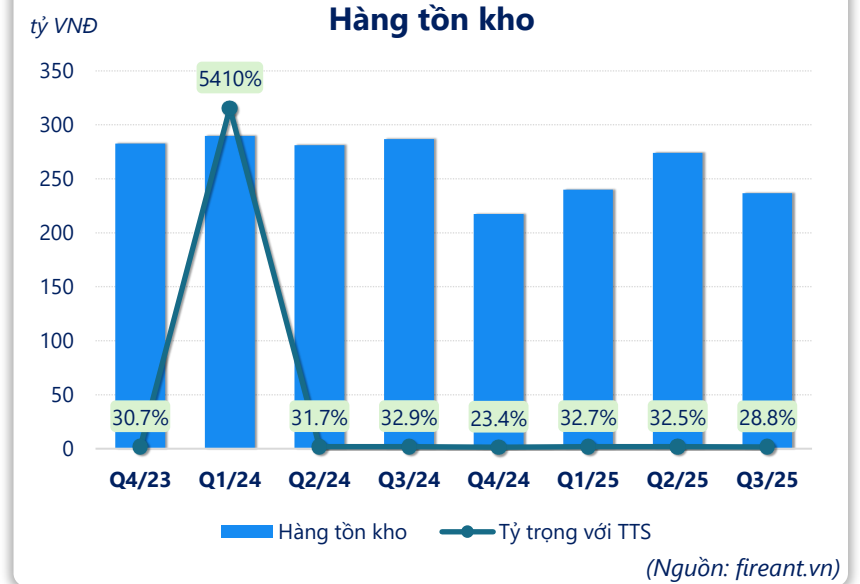
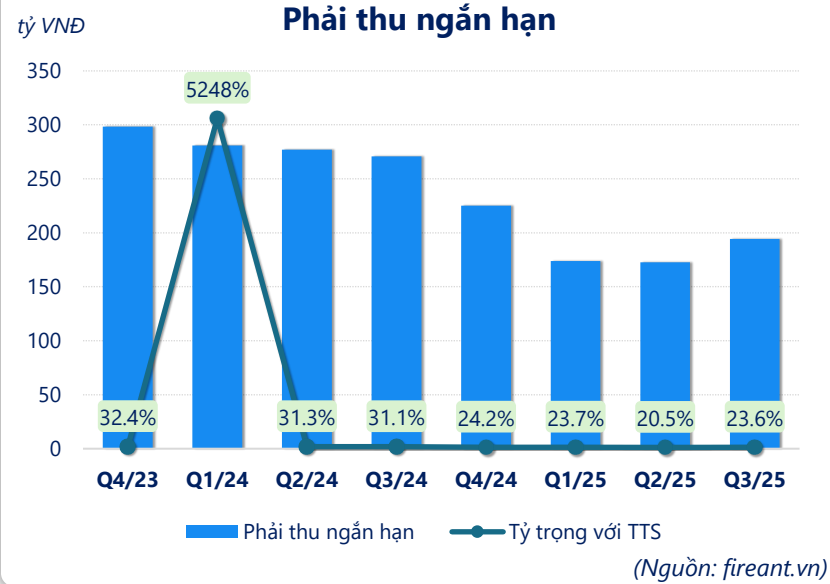
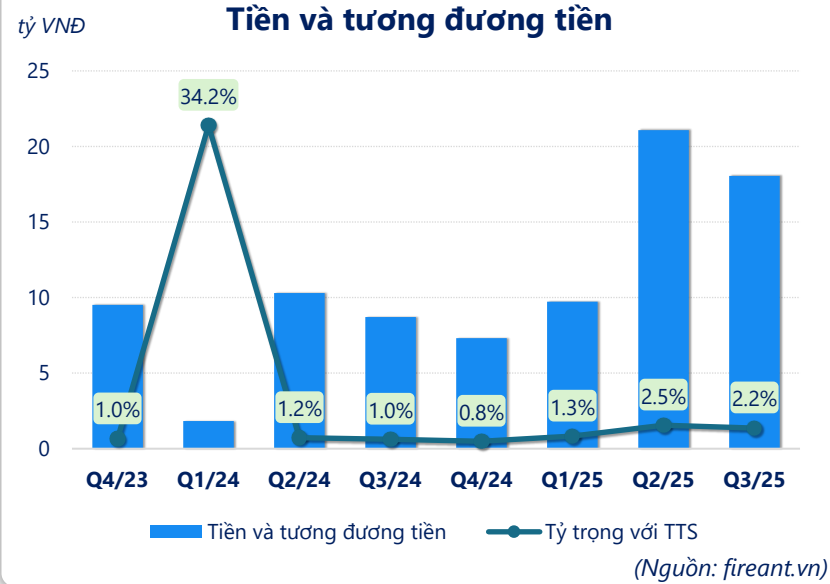
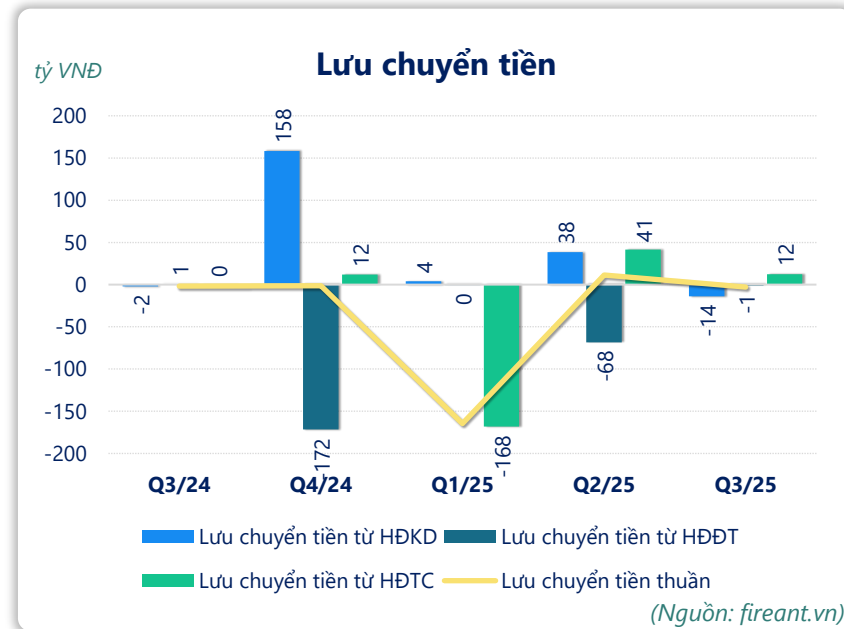
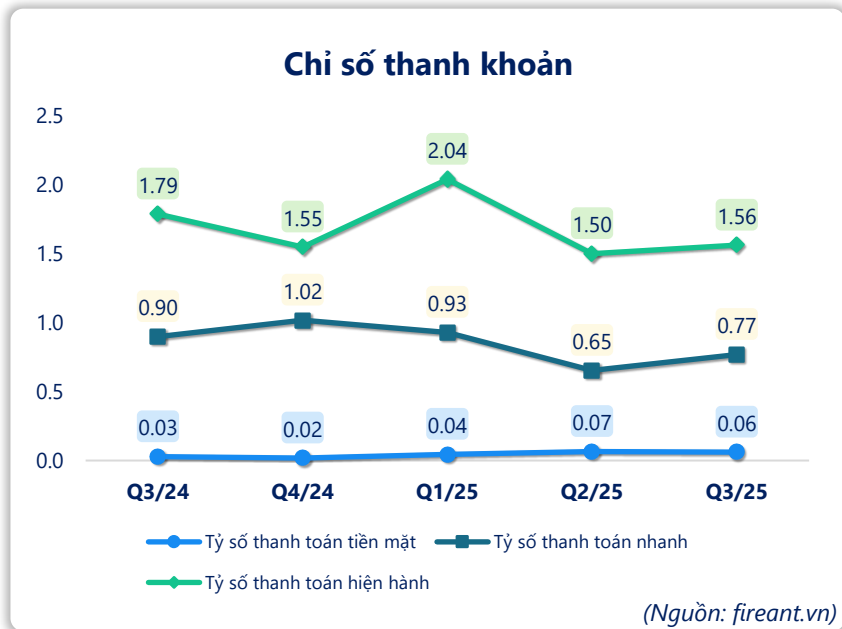
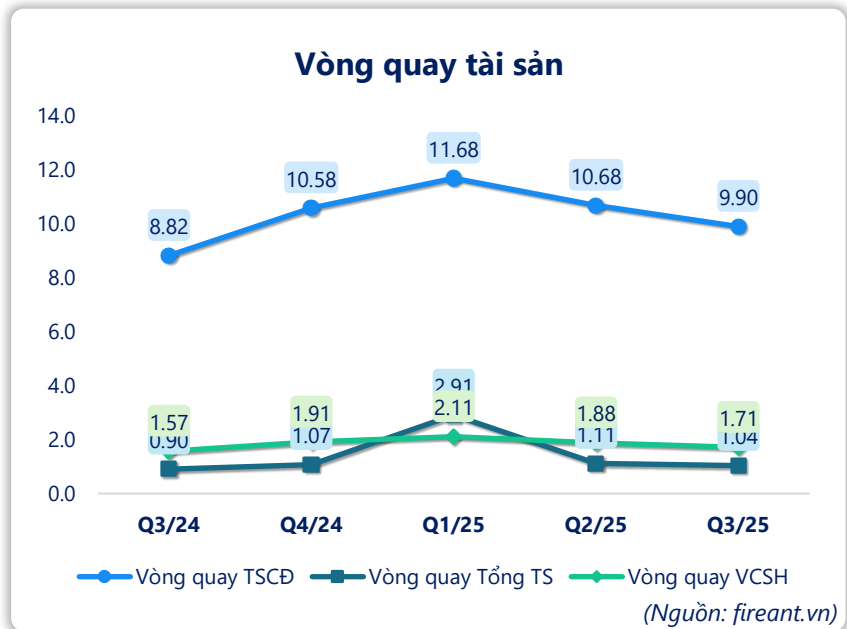
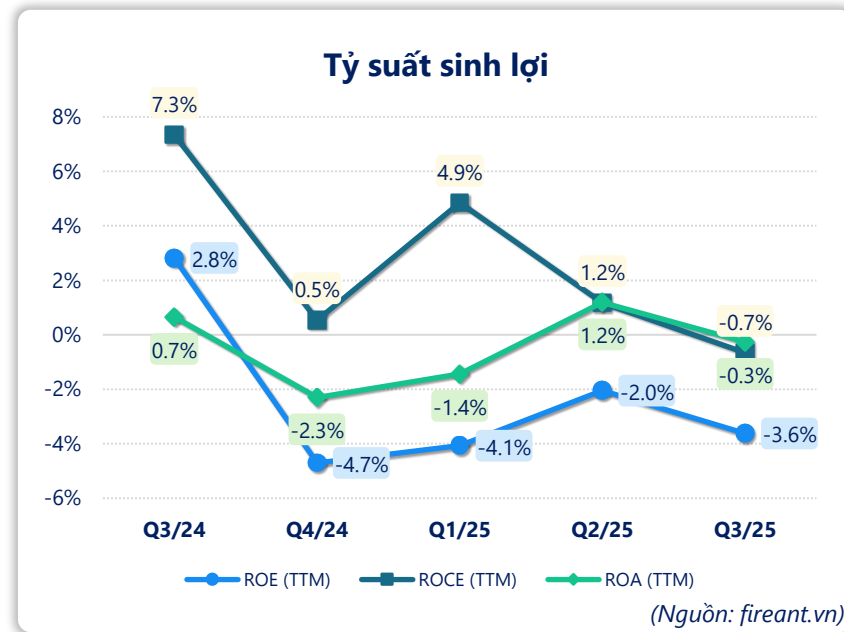
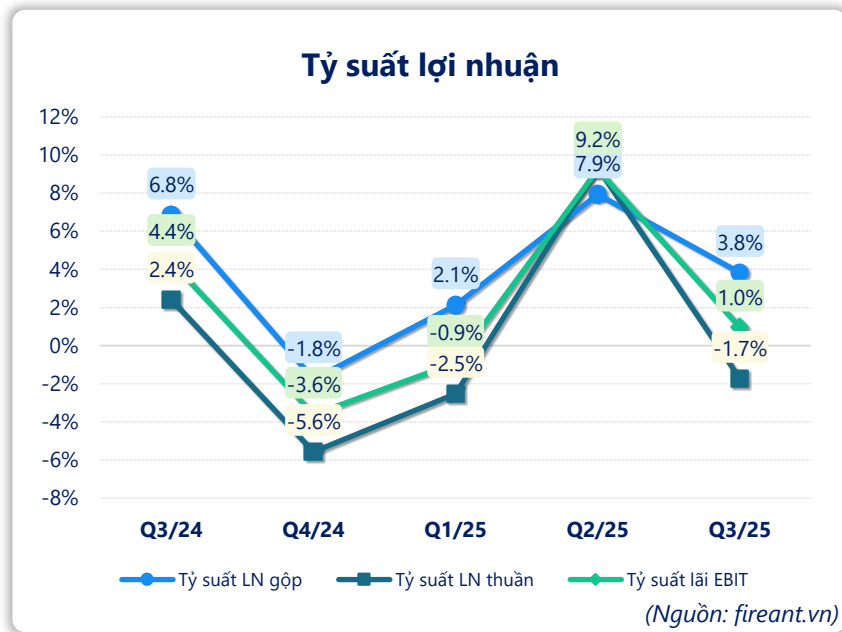
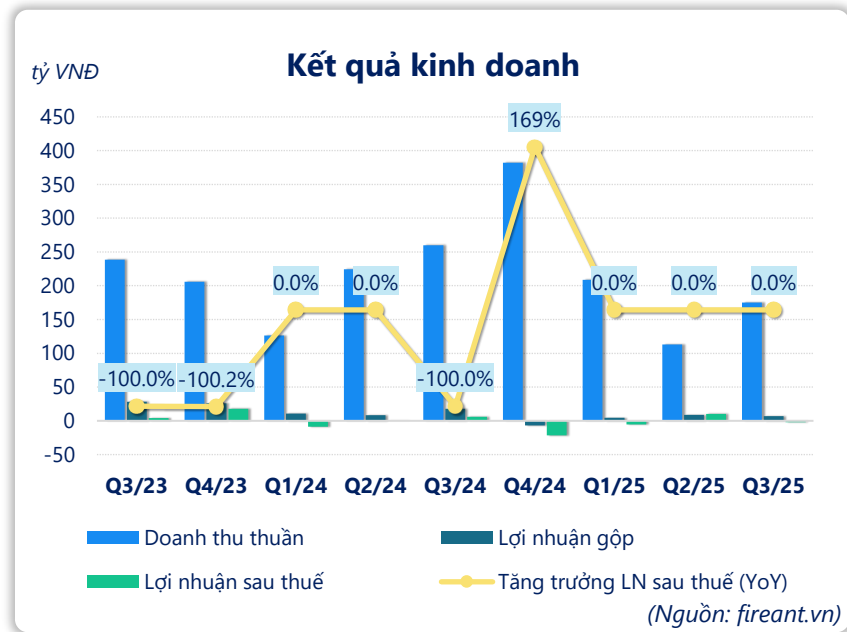


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,780
SL cổ phiếu LH		52,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		809,675
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		315
P/E		-16.9
EPS		-355

	YTD	1T	3T	6T
TNI	165.5%	57.1%	144.9%	164.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	822	931	-11.7%
Tài sản ngắn hạn	466	634	-26.5%
Tiền và tương đương tiền	18.0	174	-89.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.23	9.01	2.5%
Phải thu ngắn hạn	194	219	-11.5%
Hàng tồn kho	237	223	6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	8.08	8.36	-3.4%
Tài sản dài hạn	356	296	20.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	88.1	93.4	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.47	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	261	198	32.0%
Tài sản dài hạn khác	0.65	0.27	140%
Lợi thế thương mại	4.43	4.89	-9.5%
Nợ phải trả	323	427	-24.3%
Nợ ngắn hạn	299	410	-27.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	172	293	-41.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	106	93.1	13.7%
Nợ dài hạn	24.6	17.7	39.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.0	17.5	37.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	499	503	-0.9%
Vốn chủ sở hữu	499	503	-0.9%
Vốn điều lệ	525	525	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	260	382	209	113	175
Giá vốn hàng bán	242	392	204	104	168
Lợi nhuận gộp	17.8	-6.71	4.45	8.98	6.68
Doanh thu HĐTC	0.10	0.10	0.48	0.18	0.16
Chi phí TC	6.18	7.66	3.49	0.02	3.73
Chi phí lãi vay	5.46	7.61	3.49	-0.02	3.73
LN trong công ty LKLD	-1.55	-1.58	-1.88	0.06	-1.81
Chi phí bán hàng	1.16	1.78	1.30	-0.19	1.18
Chi phí QLDN	2.68	3.64	3.52	-1.16	3.16
LN thuần từ HĐKD	6.29	-21.3	-5.26	10.5	-3.04
Lợi nhuận khác	-0.32	-0.15	-0.09	-0.08	-0.10
LN trước thuế	5.97	-21.4	-5.35	10.5	-2.06
Lợi nhuận sau thuế	5.97	-21.6	-5.35	10.4	-2.21
LNST của CĐ cty mẹ	5.87	-21.3	-5.32	10.2	-2.24

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.27	158	3.96	38.4	-14.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.53	-172	-0.47	-68.4	-1.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.12	11.8	-168	41.4	12.3
Tiền đầu kỳ	10.3	8.71	174	9.73	21.1
Lưu chuyển tiền thuần	-1.62	-1.41	-165	11.3	-3.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0.00	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.71	7.30	9.73	21.1	18.0

(Nguồn: fireant.vn)